

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
lĩnh vực Giao thông vận tải thuộc phạm vi, chức năng quản lý
nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 236/TTr-SNN ngày 31/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 03 quy trình nội bộ giải quyết đối với 03 thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực Giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được công bố tại Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

(Có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3; Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC Hương (03b).

CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục:**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI: 03 TTHC (03 Quy trình)**1. Tên TTHC: Cấp giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (là hóa chất bảo vệ thực vật)**

- Thành phần, số lượng hồ sơ (01 bộ hồ sơ) gồm:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo mẫu quy định;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính Bảng kê danh sách phương tiện tham gia vận chuyển đảm bảo còn thời hạn kiểm định theo quy định;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính Bảng kê danh sách người điều khiển phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (gồm: Họ và tên; số chứng minh thư nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; số giấy phép, hạng giấy phép (đối với lái xe); số giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, hạng (đối với thuyền viên)) và danh sách người áp tải đối với trường hợp bắt buộc phải có người áp tải (gồm: Họ và tên, số chứng minh thư nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu) kèm bản sao giấy chứng nhận hoàn thành chương trình huấn luyện an toàn theo quy định;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng cung ứng; Hóa đơn tài chính về xuất, nhập hàng hóa thuốc bảo vệ thực vật;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính phương án tổ chức vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của đơn vị vận chuyển theo mẫu quy định (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: Biển kiểm soát xe; họ và tên người điều khiển phương tiện; loại hàng; khối lượng; tuyến đường, thời gian vận chuyển);

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình huấn luyện an toàn của người điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ đối với vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận TN và TKQ Sở NN và PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/8 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	Ý kiến phân công	1/8 ngày
B3	Chi cục Trồng trọt và BVTV tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV	Ý kiến phân công	1/8 ngày
		Lãnh đạo phòng BVTV	Ý kiến phân công	1/8 ngày
		Chuyên viên phòng BVTV	- Thẩm định hồ sơ; - Dự thảo các văn bản (<i>Tờ trình, giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm hoặc văn bản trả lời không cấp giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm</i>)	1 ngày
		Lãnh đạo phòng BVTV	Ý kiến xét trình duyệt	1/4 ngày
		Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV	Ý kiến xét trình duyệt	1/4 ngày
B4	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	Ý kiến phê duyệt	3/4 ngày
B5	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên phòng BVTV	Vào sổ, phát hành văn bản	1/8 ngày
B6	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận TN và TKQ Sở NN và PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (<i>scan</i>)	1/8 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			2 ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận TN và TKQ Sở NN và PTNT tại Trung tâm PV HCC	Đính kèm kết quả (<i>scan giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

2. Tên TTHC: Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (là hóa chất bảo vệ thực vật) khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép

- Thành phần, số lượng hồ sơ (01 bộ hồ sơ) gồm:
- + Giấy đề nghị điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo mẫu quy định;
- + Hồ sơ chứng minh sự thay đổi về thông tin liên quan đến giấy phép.
- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận TN và TKQ Sở NN và PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/8 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	Ý kiến phân công	1/8 ngày
B3	Chi cục Trồng trọt và BVTV tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV	Ý kiến phân công	1/8 ngày
		Lãnh đạo phòng BVTV	ý kiến phân công	1/8 ngày
		Chuyên viên phòng BVTV	- Thẩm định hồ sơ; - Dự thảo các văn bản (<i>Tờ trình, văn bản điều chỉnh nội dung giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm hoặc văn bản trả lời không điều chỉnh giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm</i>)	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng BVTV	ý kiến xét trình duyệt	1/8 ngày
		Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV	ý kiến xét trình duyệt	1/8 ngày
B4	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B5	Lưu số và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên phòng BVTV	Vào sổ, phát hành văn bản	1/8 ngày
B6	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận TN và TKQ Sở NN và PTNT	Đính kèm hồ sơ liên thông (<i>scan</i>)	1/8 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	liên thông	tại Trung tâm PV HCC tỉnh		
B7	Liên thông UBND tỉnh			1 ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận TN và TKQ Sở NN và PTNT tại Trung tâm PV HCC	Đính kèm kết quả (<i>scan văn bản điều chỉnh nội dung giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm hoặc văn bản trả lời không điều chỉnh giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày

3. Tên TTHC: Cấp lại giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (là hóa chất bảo vệ thực vật) do bị mất, bị hỏng

- Thành phần, số lượng hồ sơ (01 bộ hồ sơ) gồm: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (trong đó nêu lý do: bị mất hoặc bị hỏng).

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận TN và TKQ Sở NN và PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/8 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	Ý kiến phân công	1/8 ngày
B3	Chi cục Trồng trọt và BVTV tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV	Ý kiến phân công	1/8 ngày
		Lãnh đạo phòng BVTV	Ý kiến phân công	1/8 ngày
		Chuyên viên phòng BVTV	- Thẩm định hồ sơ; - Dự thảo các văn bản (Tờ trình, giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm hoặc văn bản trả lời không cấp giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm)	1/4 ngày
		Lãnh đạo phòng BVTV	Ý kiến xét trình duyệt	1/8 ngày
		Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV	Ý kiến xét trình duyệt	1/8 ngày
B4	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B5	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên phòng BVTV	Vào sổ, phát hành văn bản	1/8 ngày
B6	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận TN và TKQ Sở NN và PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (scan)	1/8 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			1/2 ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận TN và TKQ Sở NN và PTNT	Đính kèm kết quả (scan giấy phép vận	0 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
		tại Trung tâm PV HCC	<i>chuyển hàng hóa nguy hiểm)</i>	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày